

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 296/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về cơ chế thực hiện đầu tư công trình qui mô nhỏ,
kỹ thuật đơn giản thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2010-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02/12/2013 của liên bộ: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu Tư - Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07/8/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11/5/2010 của Bộ Tài chính tư hướng dẫn cơ chế đặc thù về quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMT TQVN-TC ngày 04/12/2006 của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng;

Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 1550/TTr-NNPTNT ngày 04/7/2014 về việc ban hành Quy định về tổ chức thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010-2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cơ chế thực hiện đầu tư công trình qui mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2010-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các sở ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH
Lê Quang Thích

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về cơ chế thực hiện đầu tư công trình qui mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010 - 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 296 /QĐ-UBND ngày 22/7/2014
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, tổ chức thi công, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình qui mô vốn đầu tư dưới 3 tỷ đồng, có sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, kỹ thuật đơn giản và áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, công trình nằm trên địa bàn thôn, bản, ấp (gọi chung là thôn), giao cộng đồng hưởng lợi tự thực hiện thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

2. Đối tượng áp dụng là cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng hưởng lợi thực hiện hoạt động đầu tư công trình quy định tại Khoản 1, Điều này.

3. Các công trình thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, tổ chức thi công, nghiệm thu và thanh quyết toán theo Quy định này còn phải tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc lựa chọn, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư của từng công trình do chính người dân địa phương bàn bạc dân chủ công khai và quyết định trên cơ sở các quy chuẩn của nhà nước, khả năng huy động nguồn lực đầu tư. Các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội ở địa phương chủ yếu đóng vai trò chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ nguồn lực, tổ chức điều hành quá trình xây dựng kế hoạch, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện, tạo điều kiện, động viên tinh thần, vận động nhân dân thực hiện vai trò làm chủ thông qua cộng đồng.

2. Kế thừa và lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu, chương trình, dự án khác trên địa bàn nông thôn để thực hiện xây dựng nông thôn mới.

3. Việc lựa chọn, áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình (do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành) phải phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng công

trình cụ thể; không áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với công trình có kỹ thuật phức tạp, mang tính nghệ thuật cao (mặc dù qui mô vốn đầu tư dưới 3 tỷ đồng).

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quy trình lập kế hoạch đầu tư công trình

1. Căn cứ Đề án xây dựng nông thôn mới của xã được phê duyệt, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý xã) tổ chức họp dân ở các thôn, thống nhất về danh mục công trình trên địa bàn xã dự kiến áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình báo cáo UBND xã.

Theo trình tự lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, UBND xã lập danh mục công trình đầu tư xây dựng cơ bản chung của xã, trong đó có danh mục công trình áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình trình UBND huyện, thành phố xem xét, phê duyệt.

2. Việc lập kế hoạch đầu tư xây dựng công trình áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hàng năm ở xã được thực hiện như sau:

a) Căn cứ danh mục công trình được áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình được UBND huyện, thành phố phê duyệt và kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản của địa phương, Ban Quản lý xã dự thảo danh mục công trình đầu tư xây dựng trên địa bàn trong năm tới (kể cả các công trình áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình) và phối hợp với các thôn tổ chức họp dân lấy ý kiến thống nhất về danh mục công trình, thứ tự ưu tiên trình UBND xã. Các ý kiến tham gia của nhân dân được ghi thành biên bản và lưu giữ trong hồ sơ dự án của công trình.

b) Sau khi được Hội đồng nhân dân xã thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng năm tới, trong đó có danh mục công trình áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, Ban Quản lý xã thông báo, phổ biến đến thôn và chỉ đạo Ban Phát triển thôn tiến hành lập dự toán đầu tư công trình trên cơ sở lựa chọn thiết kế mẫu, thiết kế điển hình phù hợp với địa phương, trình UBND xã phê duyệt làm cơ sở đề nghị UBND huyện, thành phố và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, bố trí kế hoạch vốn đầu tư để triển khai thực hiện.

Điều 4. Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán đầu tư công trình

1. Lập dự toán đầu tư công trình (sau đây gọi tắt là dự toán)

a) Lập dự toán

- Ban Quản lý xã cử cán bộ chuyên môn phối hợp với thôn, Ban Phát triển thôn tiến hành lập dự toán đầu tư công trình. Sau khi lập dự toán, thôn và Ban Phát triển thôn tổ chức họp dân, lấy ý kiến của người dân trong thôn, thống nhất về các nội dung của dự toán và các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân.

- Ban Phát triển thôn hoàn chỉnh dự toán theo các ý kiến đã thống nhất tại cuộc họp dân, trình Ủy ban nhân dân xã (kèm biên bản họp thôn) thẩm định và phê duyệt.

b) Nội dung dự toán

- Tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, chủ đầu tư, qui mô công trình, tiêu chuẩn kỹ thuật theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, thời gian thực hiện và nội dung khác (nếu có).

- Giá trị dự toán, trong đó gồm chi phí nhà nước hỗ trợ, đóng góp của nhân dân, huy động khác (nếu có), hình thức đóng góp, nguồn vốn đầu tư công trình và quy định thanh quyết toán.

- Bản vẽ thi công công trình (nếu có) theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Khả năng tự thực hiện của nhân dân, cộng đồng hưởng lợi.

Mẫu dự toán thực hiện theo Phụ lục I “Dự toán đầu tư công trình” ban hành kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07/8/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (có kèm theo Quy định này).

2. Thẩm định dự toán

a) Sau khi hoàn thành dự toán, Ban Phát triển thôn báo cáo Ban Quản lý xã để Ban Quản lý xã trình Ủy ban nhân dân xã thẩm định.

b) Hồ sơ thẩm định gồm: Tờ trình đề nghị thẩm định, hồ sơ dự toán, biên bản các cuộc họp thôn, xóm, các văn bản pháp lý khác có liên quan đến đầu tư công trình (nếu có).

c) Tổ thẩm định: Ủy ban nhân dân xã thành lập Tổ thẩm định, thành phần gồm: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã làm Tổ trưởng, đại diện Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xã (được thành lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04/12/2006), cán bộ tài chính - kế toán xã, cán bộ chuyên môn của UBND xã, chuyên gia hoặc những người có chuyên môn do cộng đồng bình chọn. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân xã có thể mời các cán bộ chuyên môn phù hợp thuộc các phòng ban chức năng của UBND huyện, thành phố tham gia vào tổ thẩm định để hỗ trợ thực hiện. Thời gian thẩm định không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Nội dung thẩm định: bao gồm các nội dung

- Tính khả thi về mặt kỹ thuật; mặt bằng thi công; khả năng huy động vốn (nhà nước, đóng góp của nhân dân, các nguồn lực khác).

- Sự phù hợp của công trình với quy hoạch, kế hoạch tổng thể phát triển cơ sở hạ tầng của địa phương.

- Tính hợp lý của các chi phí so với mặt bằng giá tại địa phương, với các công trình tương tự đã và đang thực hiện.

- Khả năng tự thực hiện của nhân dân và cộng đồng được giao thi công công trình.

Báo cáo kết quả thẩm định thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục II “Báo cáo

kết quả thẩm định dự toán đầu tư công trình ...” ban hành kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07/8/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (có kèm theo Quy định này).

đ) Tổ thẩm định phải báo cáo kết quả bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân xã, đồng thời gửi cho Ban Phát triển thôn.

Trường hợp ý kiến thẩm định chưa thống nhất với dự thảo dự toán, phải ghi nội dung chưa thống nhất trong báo cáo kết quả thẩm định để thôn điều chỉnh, bổ sung.

e) Thời gian thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định: Không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Phê duyệt dự toán

Ủy ban nhân dân xã phê duyệt dự toán trên cơ sở dự toán do Ban Phát triển thôn trình và Báo cáo kết quả thẩm định của Tổ thẩm định.

Điều 5. Chi phí đầu tư xây dựng công trình

1. Chi phí đầu tư xây dựng công trình bao gồm các chi phí sau:

a) Chi phí vật liệu;

b) Chi phí máy thi công;

c) Chi phí nhân công;

d) Chi phí quản lý dự án: Giảm 50% so với định mức theo quy định tại Bảng số 1: (Định mức chi phí quản lý dự án) Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình, cụ thể như sau:

Bảng số 1: Định mức chi phí quản lý dự án *ĐVT: Tỷ lệ %*

TT	Loại công trình	Tỷ lệ % của chi phí xây dựng công trình (chưa có thuế GTGT)	
		Theo Quyết định 957/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng	Theo Quy định này
1	Công trình dân dụng	2,524	1,262
2	Công trình giao thông	2,259	1,130
3	Công trình thủy lợi	2,391	1,196

đ) Chi phí khảo sát (nếu có): lập dự toán chi phí khảo sát xây dựng theo quy định hiện hành.

e) Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công công trình (nếu có): Giảm 50% so với định mức theo quy định tại Bảng số 3: (Định mức chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình, cụ thể như sau:

Bảng số 3: Định mức chi phí lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật *ĐVT: Tỷ lệ %*

TT	Loại công trình	Tỷ lệ % của chi phí xây dựng công trình (chưa có thuế GTGT)	
		Theo Quyết định 957/QĐ- BXD của Bộ Xây dựng	Theo Quy định này
1	Công trình dân dụng	3,6	1,8
2	Công trình giao thông	2,8	1,4
3	Công trình thủy lợi	3,4	1,7

g) Chi phí giám sát: Giảm 50% so với định mức theo quy định tại Bảng số 19: (Định mức chi phí giám sát thi công xây dựng) Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình, cụ thể như sau:

Bảng số 19: Định mức chi phí giám sát thi công xây dựng

DVT: Tỷ lệ %

TT	Loại công trình	Tỷ lệ % của chi phí xây dựng công trình (chưa có thuế GTGT)	
		Theo Quyết định 957/QĐ- BXD của Bộ Xây dựng	Theo Quy định này
1	Công trình dân dụng	2,628	1,314
2	Công trình giao thông	2,562	1,281
3	Công trình thủy lợi	2,079	1,040

h) Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Không đưa vào dự toán các chi phí sau: chi phí đền bù giải phóng mặt bằng; chi phí chung; chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công.

Điều 6. Tổ chức thi công và nghiệm thu công trình

1. Tổ chức thi công

a) Giao cộng đồng dân cư, những người hưởng lợi trực tiếp từ công trình tự thực hiện xây dựng.

b) Chủ đầu tư niêm yết thông báo công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa thôn, chợ, họp dân cư và thông tin trên loa truyền thanh của xã về công trình giao cho cộng đồng dân cư, những người hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng.

c) Trường hợp có nhiều nhóm cộng đồng cùng đăng ký tham gia thi công công trình thì chủ đầu tư tổ chức họp các nhóm đã đăng ký để công khai lựa chọn. Dựa vào các tiêu chí giá cả, tiến độ và chất lượng để làm cơ sở lựa chọn; thành phần mời tham gia họp gồm: Đại diện Ủy ban nhân dân xã, các đoàn thể xã hội, Ban Giám sát cộng đồng, trưởng thôn, đại diện cộng đồng dân cư tham gia. Nếu hết thời hạn thông báo (do chủ đầu tư quy định) nhưng chỉ có 01 nhóm cộng đồng tham gia thì chủ đầu tư giao cho nhóm đó thực hiện.

d) Căn cứ dự toán được duyệt, Ban Quản lý xã tiến hành ký hợp đồng kinh tế với đại diện nhóm công đồng để tổ chức triển khai thi công công trình.

đ) Ban Quản lý xã có trách nhiệm cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ thôn thi công. Ban Giám sát cộng đồng xã có trách nhiệm giám sát trong quá trình thi công công trình.

2. Nghiệm thu công trình: Ban Quản lý xã, Ban Giám sát cộng đồng xã, Ban Phát triển thôn tổ chức nghiệm thu công trình theo quy định.

Điều 7. Thanh toán, quyết toán

Quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các Sở ngành

1. Các Sở, ban, ngành chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: chịu trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và quy định rõ loại công trình tuy có qui mô dưới 3 tỷ đồng nhưng có kỹ thuật phức tạp, không áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình theo quy định này.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn việc thanh quyết toán đối với công trình thi công áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình theo quy định này.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm theo dõi quá trình thực hiện, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung quy định này cho phù hợp với tình hình mới.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của UBND các xã, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố ban hành quyết định danh mục các công trình được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù để các xã làm cơ sở triển khai thực hiện.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã

Chịu trách nhiệm triển khai thực hiện quy định này trên địa bàn xã.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc các Sở ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH
Lê Quang Thích

